ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

Chuẩn bị và cách học cho Bài 1: phiếu tr. 01.

Chuẩn bị và cách học cho Bài 2: phiếu tr. 02.

Chuẩn bị và cách học cho Bài 3: phiếu tr. 04.

Chuẩn bị và cách học cho Bài 4: phiếu tr. 05.

Chuẩn bị và cách học cho Bài 5: phiếu tr. 07.

Bài 1 · tr. 01 Điểm và đoạn thẳng

Ví dụ Trong hình, chấm A là một điểm; nét thẳng từ A đến B là đoạn thẳng AB.

Câu 1 · tr. 01 Chỉ đúng ba chấm và đọc A, B, C; không chỉ chữ thay cho vị trí điểm.

Câu 2 · tr. 01 Đoạn AB, hai đầu mút A và B.

LT LT1 · tr. 01 Không đổi; PQ và QP cùng chỉ đoạn có hai đầu mút P và Q.

Câu 3 · tr. 02 Có hai điểm khác nhau được đặt tên M, N; nét nối thẳng đến đúng hai đầu.

Câu 4 · tr. 02 Hai hạt biểu diễn hai đầu; que nối thẳng giữa chúng. Không yêu cầu một độ dài cố định.

Chữ cái là tên; kích thước chấm chỉ giúp nhìn thấy, không phải kích thước toán học của điểm.

Không gọi cả đường thẳng dài vô hạn là đoạn nếu chưa chỉ hai đầu.

Bài 2 · tr. 02 Đường thẳng và đường cong

LT LT1 · tr. 02 Không chắc. Dài hay ngắn không quyết định thẳng hay cong; kiểm cả nét bằng cạnh thước.

Câu 1 · tr. 03 Que thẳng là mẫu nét thẳng; dây đã uốn là mẫu nét cong. Dây căng thẳng có thể biểu diễn nét thẳng, phải đối chiếu vật thực.

Câu 2 · tr. 03 Có một nét thẳng và một nét cong; giải thích dựa vào hình, không chỉ nói tên dụng cụ.

Câu 3 · tr. 03 Chấp nhận cạnh bàn thẳng, mép đĩa tròn cong hoặc ví dụ phù hợp vật thật; chỉ đúng phần.

Câu 4 · tr. 03 Từ cong thành thẳng; vẫn là cùng sợi dây, không cần số đo hay kết luận dây đổi độ dài.

LT LT2 · tr. 03 Không. Có thể uốn dây thành một nét cong không khép kín; đó vẫn là đường cong nhưng không là đường tròn.

Dùng hình và vật thật để phân biệt; không gán mọi đường cong là một đường tròn.

Đường vẽ trên giấy chỉ là một phần biểu diễn, chưa dạy định nghĩa vô hạn.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 3 · tr. 04 Đường gấp khúc

Câu 1 · tr. 04 A, B, C, D theo chiều đã yêu cầu.

Câu 2 · tr. 04 AB, BC, CD; có ba đoạn.

Câu 3 · tr. 05 Ba đoạn nối tiếp, có ít nhất một chỗ đổi hướng; hai đầu ngoài của cả đường được chỉ đúng.

Câu 4 · tr. 05 Hai đoạn thẳng nối tiếp ở một đầu chung và đổi hướng; chỉ đúng hai đoạn, không đếm chấm thành đoạn.

Chưa yêu cầu tính tổng độ dài trong bài nhận biết; tuyến đo sẽ thực hành sau.

Không gọi dây cong trơn là đường gấp khúc.

Bài 4 · tr. 05 Ba điểm thẳng hàng

Câu 1 · tr. 06 Có; cả ba cùng nằm trên một đường thẳng.

Câu 2 · tr. 06 Không; đường qua D và F không đi qua E.

Câu 3 · tr. 06 Cạnh thước đi qua cả ba điểm; không yêu cầu cách đều.

LT LT1 · tr. 06 Có; cả ba cùng nằm trên một đường thẳng. Thẳng hàng không đòi các khoảng cách bằng nhau.

Câu 4 · tr. 07 Điểm mới không nằm trên đường thẳng qua ba điểm cũ; đối chiếu hình thật của trẻ.

Không buộc điểm ở giữa phải là trung điểm.

Khi màn hình nhỏ khó kiểm bằng thước, thực hành trên giấy với thước thật.

Bài 5 · tr. 07 Nhận ra hình tứ giác

LT LT1 · tr. 07 Có. Xoay không đổi đường bao kín gồm bốn cạnh thẳng; đếm lại bốn cạnh để kiểm.

LT LT3 · tr. 07 Chưa. Đường bao còn hở; hình tứ giác phải có đường bao khép kín gồm bốn cạnh thẳng.

Câu 1 · tr. 08 A và C là tứ giác; B có ba cạnh nên là tam giác.

Câu 2 · tr. 08 Cả hai đều là tứ giác vì có bốn cạnh thẳng khép kín; không phân loại loại trừ.

Câu 3 · tr. 08 Hình kín gồm bốn đoạn thẳng, sau xoay vẫn bốn cạnh; không chấp nhận các que chỉ chạm tạo đường hở.

Câu 4 · tr. 08 Ví dụ mặt quyển sách hoặc bìa hộp phù hợp; phải chỉ bốn cạnh của một mặt, không gọi cả khối là hình phẳng.

LT LT2 · tr. 08 Không. Tứ giác cần bốn cạnh thẳng khép kín; hình đã cho có một phần cong.

Hình vuông và hình chữ nhật đều thuộc các hình tứ giác.

Không yêu cầu phân loại mọi dạng tứ giác hoặc học góc, chu vi mới.